

## GỢI MỞ MỘT SỐ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THỜI KÌ HỘI NHẬP

Nguyễn Duy Mộng Hà

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 12/12/2016; ngày sửa chữa: 20/12/2016; ngày duyệt đăng: 27/12/2016.

**Abstract:** In this article, author suggests measures to develop cultural and social competences as well as life-long learning skills which are key competences in the context of integration through integrating into training programme of expected learning outcome and teaching strategies to meet graduation standards. Moreover, the standards are the bases to propose appropriate assessment methods.

**Keywords:** Globalisation, cultural-social competences, lifelong learning skills.

### 1. Mở đầu

Từ khi Việt Nam bước vào giai đoạn hội nhập khu vực và thế giới, giáo dục đại học đã từng bước đổi mới về chương trình và phương thức đào tạo nhằm đào tạo nguồn nhân lực thích ứng với thời kì hội nhập. *Bốn trụ cột giáo dục* của UNESCO đòi hỏi năng lực học tập suốt đời (NLHTSD) và năng lực văn hóa - xã hội (NLVH-XH) của người học để có thể phát triển toàn diện. Như vậy, chuẩn đầu ra (hay kết quả học tập dự kiến) của các chương trình giáo dục đại học rất cần hai yếu tố này. Những kết quả học tập dự kiến sẽ là cơ sở cho việc thiết kế cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo, phương thức đào tạo và đánh giá các mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Chương trình đào tạo tích hợp NLVH-XH và NLHTSD

##### 2.1.1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Mục tiêu tổng thể của chương trình đào tạo gồm: bồi dưỡng, nghề nghiệp và nghề nghiệp tương lai của sinh viên (SV) sau khi tốt nghiệp [1]. Mục tiêu đào tạo hiện nay cần nhằm vào việc trang bị cho SV NLVH-XH và NLHTSD để các em có thể nhanh chóng thích nghi với nghề nghiệp sau này.

Chuẩn đầu ra hay kết quả học tập dự kiến (intended/expected learning outcomes) là những nội dung cụ thể hóa mục tiêu đào tạo, được trình bày thành một danh sách các chuẩn đầu ra đánh giá được, thể hiện những gì SV được kì vọng sau khi hoàn thành khóa học [1]. Chuẩn đầu ra cho NLVH-XH và NLHTSD cần rõ ràng, chẳng hạn:

- Đối với NLVH-XH:

1) SV có hiểu biết rộng về những đặc điểm của nền văn hóa dân tộc cũng như nền văn hóa nhân loại/khu vực và thế giới, có thể giới quan đúng đắn, đa dạng;

2) SV có khả năng giao tiếp hiệu quả với những người đến từ các nền văn hóa - xã hội khác nhau, có khả năng trình bày lưu loát bằng tiếng Việt;

3) SV có thái độ khoan dung, tôn trọng, tránh định kiến/thành kiến, có sự nhạy cảm về văn hóa, có tinh thần hợp tác, chia sẻ vì mục đích chung.

- Đối với NLHTSD:

1) SV đánh giá được các công cụ tự học phù hợp; cập nhật những yêu cầu của xã hội học tập và ngành nghề trong thị trường lao động;

2) SV có khả năng vận dụng các phương pháp, công cụ, phương tiện tự học hiệu quả (nhất là phương tiện điện tử), biết cách giải quyết vấn đề trong thực tiễn một cách sáng tạo, có khả năng tự nghiên cứu độc lập và xác định mục tiêu, kế hoạch học tập, biết đánh giá, xử lí, phân tích, so sánh, tổng hợp thông tin;

3) SV có ý thức, tập trung, tự giác trong học tập, có ý thức tự học.

##### 2.1.2. Thang phân loại các mức độ năng lực (NL) bậc cao

Chuẩn đầu ra cần cụ thể và quan sát được, đo lường và đánh giá với những tiêu chí rõ ràng theo các cấp độ, được xây dựng ở cấp chương trình và cấp môn học. Trong ba loại mục tiêu giáo dục: *nhận thức* (cognitive), *tình cảm/thái độ* (affective) và *tâm lí vận động* (psycho-motor), thang phân loại các mức độ nhận thức của Benjamin S.Bloom (1956) gồm: 1) Nhận biết (Knowledge); 2) Hiểu (Comprehension); 3) Vận dụng (Application); 4) Phân tích (Analysis); 5) Tổng hợp (Synthesis); 6) Đánh giá (Evaluation). Đối với bậc giáo dục đại học, cần lưu ý ba mức độ tư duy bậc cao được mô tả cụ thể với những động từ sau:

- *Phân tích*: có các động từ thường được dùng để mô tả khả năng phân tích, gồm: *phân tích, tổ chức, chọn lựa, suy luận, so sánh, đối chiếu, phân biệt, kiểm tra, thử nghiệm,...*

- *Tổng hợp*: các động từ thường được dùng để mô tả khả năng tổng hợp, gồm: *thiết kế, giả định, lập kế hoạch,*

khái quát hóa, viết, trình bày, thảo luận, tạo lập, xây dựng,...

- *Đánh giá*: các động từ thường được dùng để mô tả khả năng này gồm: *xét đoán, ước lượng, phê bình, bảo vệ, thanh minh, biện luận,...*

Lorin Anderson - một học trò của Benjamin S. Bloom đã cùng một số cộng sự đề xuất sự điều chỉnh lại thang phân loại các mức độ nhận thức, gồm: 1) Nhớ (Remembering); 2) Hiểu (Understanding); 3) Vận dụng (Applying); 4) Phân tích (Analyzing); 5) Đánh giá (Evaluating); 6) Sáng tạo (Creating).

Trong đó, khả năng sáng tạo thể hiện sự xây dựng, tạo ra sản phẩm và đưa ra quan điểm mới, thiết kế, phát triển, soạn thảo, viết hay sáng tác ra một vấn đề nào đó hoàn toàn mới. Để phát triển được tư duy *sáng tạo*, SV cần học hỏi, tìm tòi, khám phá không ngừng dựa trên các kiến thức đã có và khả năng liên hệ, liên tưởng phong phú cùng với sự dẫn dắt, gợi mở của giảng viên (GV).

### 2.1.3. Nội dung, môn học được tích hợp để phát triển NL toàn diện

Nội dung và môn học trong các chương trình đại cương (general education) cần cung cấp kiến thức nền tảng rộng về bối cảnh lịch sử, văn hóa - xã hội trong nước, khu vực và trên thế giới thông qua các môn học như: *Cơ sở văn hóa Việt Nam, Đại cương văn hóa phương Đông, Lịch sử văn minh thế giới/Phương Tây, Dẫn nhập các nước ASEAN, Các môn đại cương về ngành Khoa học xã hội và nhân văn,...*; các môn *Dẫn nhập ngành nghề trên thế giới* (tùy ngành SV học) để SV biết về bối cảnh ngành nghề,... Theo chúng tôi, nên có thêm môn *Văn hóa giao tiếp ứng xử* hoặc *Kỹ năng giao tiếp/làm việc nhóm, Nhập môn quan hệ công chúng, Tổ chức sự kiện, Tiếng Việt thực hành,...* (có thể là môn học tự chọn) để giúp SV phát triển kỹ năng giao tiếp, tăng cường nội dung và thời gian cho phần thực hành trong các môn ngoại ngữ.

Xu hướng quốc tế hiện nay đòi hỏi phải có sự so sánh đối chiếu với nước ngoài, với thế giới trong các lĩnh vực chuyên ngành. Trong một hội thảo liên quan đến vấn đề quốc tế hóa trường đại học, Vladimir Briller và Phạm Thị Ly - các chuyên gia giáo dục đã đề xuất: *cần đưa những chiều kích quốc tế và so sánh đa văn hóa hội nhập vào môn học, qua đó giáo dục cho SV về giá trị của các quan điểm, kinh nghiệm chuyên môn từ những nền văn hóa khác nhau* [2]. Theo chúng tôi, các môn học so sánh rất cần thiết, như: chuyên ngành giáo dục nên có môn học *Giáo dục so sánh*, chuyên ngành địa lý nên có môn *Địa lý so sánh*, ngành luật nên có môn *Luật so sánh*, ngành kinh tế nên có môn *Kinh tế so sánh,...* Trong cấu trúc chương trình mỗi môn học nên có chương/phần giới thiệu về các mô hình, tình hình phát triển của môn học đó ở các nước

khác giúp SV vừa mở rộng kiến thức, vừa phát triển được các kỹ năng tư duy bậc cao như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đánh giá, liên hệ, sáng tạo, phát triển tư duy,...

Ngoài ra, xu hướng tích hợp, liên ngành cần được lưu ý khi xây dựng chương trình đào tạo nhằm giúp SV biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, linh hoạt, đồng thời phát triển khả năng giao tiếp, phối hợp, làm việc nhóm. Trong các đề cương chi tiết môn học, cần có các tài liệu tham khảo dưới dạng websites, giáo trình và học liệu điện tử, thư viện điện tử, nguồn học liệu mở, tạp chí chuyên ngành online,...

Với môn *Tin học đại cương*, cần đưa thêm phần hướng dẫn khai thác các công cụ tìm kiếm và sử dụng thông tin trên Internet. Ngoài ra, các dạng thông tin đa phương tiện truyền thông như video, phim ảnh, ảnh động, thí nghiệm ảo nên được tích hợp vào nội dung bài giảng.

Ngoài chương trình chính khóa, cần đưa vào nội dung văn hóa - xã hội đa dạng trong chương trình ngoại khóa thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề, tọa đàm, tham quan thực tế, giao lưu, trao đổi hợp tác trong nước và quốc tế, hội thảo, hội nghị, tăng cường các môn học có các chuyên gia nước ngoài giảng dạy sẽ tạo các cơ hội cho SV phát triển NL văn hóa, giao tiếp và ngoại ngữ hiệu quả. Chuyên đề "*Phương pháp học tập đại học*" cũng có thể được vận dụng trong chương trình ngoại khóa đối với SV năm thứ nhất nhằm trang bị kỹ năng tự học cho các em, hình thành ý thức học tập suốt đời.

## 2.2. Phương pháp đào tạo NLVH-XH và NLHTSD

### 2.2.1. Triết lý đào tạo

Phương thức "lấy người học làm trung tâm" và học tập kiến tạo là những triết lý giáo dục hiện đại, được nhiều học giả trên thế giới đề cập đến. Cần lấy quan điểm hướng về người học, chú trọng yếu tố tự học với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và Internet, kết hợp học tập truyền thống với học tập điện tử, thảo luận. SV cần được khuyến khích tìm hiểu các thông tin trên Internet theo nhu cầu, sở thích, NL cá nhân với sự hướng dẫn của GV; được giáo dục ý thức giữ gìn những nét truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Trong 14 nguyên tắc "lấy người học làm trung tâm" của Hội tâm lý học Hoa Kỳ [3], có một số nguyên tắc cần lưu ý như: người học tích cực, chủ động tích lũy kiến thức (bản chất của quá trình học tập), liên hệ thông tin mới với kiến thức đã biết (tư duy chiến lược), chọn lựa phương pháp tư duy giúp sáng tạo, phê phán (tư duy bậc cao). Ngoài ra, nguyên tắc học tập kiến tạo đòi hỏi người học tự xây dựng kiến thức cho mình bằng sự liên hệ, khám phá, tìm tòi,... Như vậy, các nguyên tắc này cần được GV quán triệt trong quá trình dạy học để phát triển các NL học tập cho SV.

### 2.2.2. Vai trò của người dạy và người học

Với triết lí đào tạo “lấy người học làm trung tâm”, vai trò của người dạy đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ người học chủ động, tích cực tự xây dựng kiến thức. Người dạy và người học cùng đánh giá kết quả học tập. GV đóng vai trò quan trọng trong việc giúp SV tự học và điều khiển quá trình học tập, đặc biệt là biết cách tự đánh giá NL, qua đó hoàn thiện bản thân. Vai trò tư vấn của GV ngoài giờ qua hình thức mentoring, tutoring (như: email, forum, website học tập, platform, website môn học,...) cũng rất quan trọng.

Người học cần chủ động trong quá trình học tập thông qua việc đặt câu hỏi, đặt vấn đề, nêu ra vướng mắc trước những vấn đề nghiên cứu,... Người học cần có tư duy phản biện, tự đánh giá mức độ hoàn thành công việc hay sự tiến bộ trong học tập của bản thân theo từng giai đoạn. Mô hình dạy học “lấy người học làm trung tâm” cũng lưu ý vai trò học tập liên tục của người dạy và người học [3]: *cả thầy lẫn trò đều cùng học tập.*

### 2.2.3. Phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học tích cực

Cách thức tổ chức, triển khai giảng dạy với các phương pháp và hình thức dạy học tích cực không những giúp SV tiếp thu kiến thức hiệu quả mà còn phát triển được các kĩ năng. Các hình thức giảng dạy cần được đổi mới cho phù hợp, giúp SV có khả năng phát triển các NL: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề,... Các hình thức tổ chức dạy học hiện đại như: dạy học theo dự án (project-based learning), nghiên cứu điển hình (case study), dạy học dựa trên vấn đề (problem-based learning), thảo luận nhóm (group discussion), seminar, hoạt động đóng kịch, sắm vai (role play), mô phỏng (simulations),... có thể được lồng ghép và phối hợp linh hoạt trong quá trình dạy học.

Các hình thức dạy học như: dạy học theo dự án, nghiên cứu điển hình, dạy học dựa trên vấn đề nhằm giúp SV phát triển NL tự học, nghiên cứu, giao tiếp, hợp tác, phối hợp, phân công hiệu quả trong nhóm để đạt được hiệu quả cao. Với những hình thức dạy học này, SV không làm việc đơn lẻ mà cần có sự hỗ trợ của nhóm, kết quả cuối cùng sẽ là sản phẩm của tập thể, tập thể đóng góp nên sự thành công chung của nhóm. Bên cạnh đó, GV cần hướng dẫn SV làm việc theo nhóm, chẳng hạn: xây dựng kế hoạch làm việc của nhóm, giám sát và đánh giá, viết nhật kí làm việc, danh mục các nguồn tài liệu và đơn vị/chuyên gia tham khảo,... nhằm phát triển NLHTSD và NLVH-XH cho các em.

Các hoạt động đóng kịch, sắm vai, mô phỏng đòi hỏi SV cần có sự quan sát kĩ và chuẩn bị công phu, phân công

trong nhóm, xây dựng kịch bản, liên hệ tìm công cụ, phương tiện hỗ trợ, sử dụng công nghệ thông tin,... Tùy đặc thù của ngành học, môn học mà GV có thể sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp.

Ngay cả với phương pháp thuyết trình, GV có thể giúp SV phát triển NLHTSD và NLVH-XH thông qua việc gợi mở vấn đề cho các em tự tìm hiểu, nghiên cứu, mở rộng kiến thức.

### 2.3. Kiểm tra, đánh giá NLVH-XH và NLHTSD

**2.3.1. Nguyên tắc đánh giá NL theo chuẩn đầu ra.** Quá trình xây dựng nội dung đánh giá NL người học cần phù hợp với chuẩn đầu ra, các tiêu chí đánh giá phải rõ ràng để đo NL một cách chính xác, khách quan nhất. Đây là hai nguyên tắc quan trọng trong đánh giá học tập theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA [4].

Để áp dụng nguyên tắc thứ nhất khi muốn đo NL tự học và giao tiếp xã hội của người học, cần đối chiếu với yêu cầu cụ thể trong chuẩn đầu ra và nội dung giảng dạy (kiến thức, kĩ năng và thái độ). Các câu hỏi kiểm tra cần đo được tư duy bậc cao, NL phân biệt, sáng tạo, phân tích, giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu,... Những động từ trong đề thi tự luận hay chủ đề tiểu luận, phỏng vấn (thi vấn đáp) nhằm đo NL tư duy và kĩ năng bậc cao có thể được sử dụng như: *phân tích, phân biệt, so sánh, đối chiếu, bình luận, nêu nhận định, dự đoán, liên hệ, tóm tắt, đề xuất, xử lí, hoàn thiện...* Để đánh giá NLVH-XH của người học, cần đánh giá kiến thức/hiểu biết, kĩ năng giao tiếp, làm việc nhóm và ý thức, thái độ làm việc tập thể.

Nguyên tắc thứ hai, để có thể tăng độ tin cậy, khách quan của việc đo lường các NL, kĩ năng và thái độ của người học, nên cố gắng xây dựng thang đo rubrics (đề mục) với các tiêu chí đánh giá rõ ràng cho từng cấp bậc, mô tả những biểu hiện cụ thể cho từng bậc đánh giá. Đây là một công việc phức tạp, mất nhiều thời gian nhưng là công cụ quan trọng để người học nắm rõ khả năng của mình để có thể tự lên kế hoạch khắc phục. Hiện nay, có rất nhiều mẫu rubrics đánh giá NL giao tiếp, làm việc nhóm. Dưới đây là một ví dụ đơn giản về rubrics đánh giá NL làm việc nhóm (xem *bảng*):

*Bảng tiêu chí đánh giá NL làm việc nhóm*

Tiêu chí	Đang hình thành	Mới bắt đầu	Thành thạo
Làm việc nhóm	Ít khi lắng nghe, ít kiên nhẫn hay hợp tác với nhóm	Thường lắng nghe kiên nhẫn, hợp tác với nhóm	Luôn luôn lắng nghe, kiên nhẫn, hợp tác với nhóm

Quản lí thời gian	Ít khi hoàn thành công việc đúng hạn, không có thói quen quản lí thời gian	Trì hoãn nhưng vẫn kịp thời hạn	Có thói quen quản lí thời gian tốt để đảm bảo mọi việc hoàn tất đúng hạn, hỗ trợ thành viên khác nếu cần
Đóng góp	Ít khi có ý tưởng hữu ích khi tham gia thảo luận nhóm. Có thể từ chối tham gia vào quá trình ra quyết định	Thỉnh thoảng có ý tưởng hữu ích khi tham gia thảo luận nhóm. Chỉ làm đúng những gì được yêu cầu	Làm việc hiệu quả với các thành viên trong nhóm bằng cách đóng góp ý tưởng hữu ích, xây dựng kế hoạch hành động
Thái độ	Thường bị nhóm phê bình. Hay có thái độ tiêu cực về các nhiệm vụ	Thường giữ khoảng cách với nhóm và không có thái độ tích cực cũng như tiêu cực	Luôn có thái độ tích cực về dự án và các nhiệm vụ cần thực hiện
Tham gia lãnh đạo	Độc đoán, đưa ra nhiều mệnh lệnh không cần thiết	Có trách nhiệm với dự án. Thể hiện NL lãnh đạo về một số phần dự án	Có trách nhiệm khi được bầu, kĩ năng lãnh đạo và tổ chức tốt trong nhóm

### 2.3.2. Phương thức kiểm tra, đánh giá đa dạng

GV cần vận dụng đa dạng các hình thức, thời điểm, phương pháp đánh giá học tập (tự luận, trắc nghiệm, viết, vấn đáp, thực hành, dự án, tiểu luận, đồ án,...), nhất là đánh giá liên tục xuyên suốt quá trình học, cả trên lớp và tự học ở nhà. GV có thể sử dụng hồ sơ SV (portfolio) tích hợp với các bài tập trong suốt quá trình dạy học nhằm thu thập đúng và đủ các bằng chứng về NL của các em, nhất

là khi đánh giá ý thức, thái độ. NLVH-XH là một loại NL phức tạp, khó đo lường chính xác nếu không có sự theo dõi, quan sát liên tục. Trần Thị Tuyết Oanh [5] có tóm tắt một số phương pháp đánh giá thái độ, gồm: phương pháp quan sát (theo mẫu hoặc không theo mẫu), phỏng vấn, sử dụng câu hỏi câu hỏi điều tra, phương pháp đánh giá bạn,... Mỗi phương pháp có ưu nhược điểm riêng, do vậy cần linh hoạt, tùy từng tình huống và đặc điểm của người học để áp dụng.

### 3. Kết luận

Các trường đại học ở Việt Nam nên xem xét việc tích hợp giữa hai yếu tố quan trọng của chuẩn đầu ra là NLVH-XH và NLHTSD vào việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo ở các ngành học cho phù hợp với thực tiễn hiện nay, tránh tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu”. SV cần được trang bị những NL này để trở thành “công dân toàn cầu” thế kỉ thứ XXI; ngoài chuyên môn giỏi, các em còn biết tôn vinh và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng một thế giới hòa bình, hợp tác và phát triển, phù hợp với triết lí giáo dục của UNESCO “*Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống với nhau và học để làm người*”.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đoàn Thị Minh Trinh (chủ biên, 2012). *Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Vladimir Briller - Phạm Thị Ly (2008). *Có cần đặt vấn đề quốc tế hóa các trường đại học? Một bước đi quan trọng cho các trường đại học của Việt Nam*. Hội thảo Giáo dục so sánh lần thứ hai “*Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*” tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 23/05/2008.
- [3] Lê Văn Hào (2011). *Một số phương pháp dạy học bậc đại học*. NXB Nông nghiệp.
- [4] AUN (2011). *Guide to AUN Actual Quality Assessment at Programme Level*. Bangkok: ASEAN University Network.
- [5] Trần Thị Tuyết Oanh (2007). *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Andrea Ohidy (2008). *Lifelong Learning. Interpretation of Educational Policies in Europe*. VS Research. Wiesbaden, Germany.
- [7] Bloom (1956). *Taxonomy of educational objectives. Handbook I: The Cognitive Domain*. New York: David McKay Co. Inc.
- [8] European Commission (2002). *European Report on Quality Indicators of Lifelong Learning*. Brussels.